

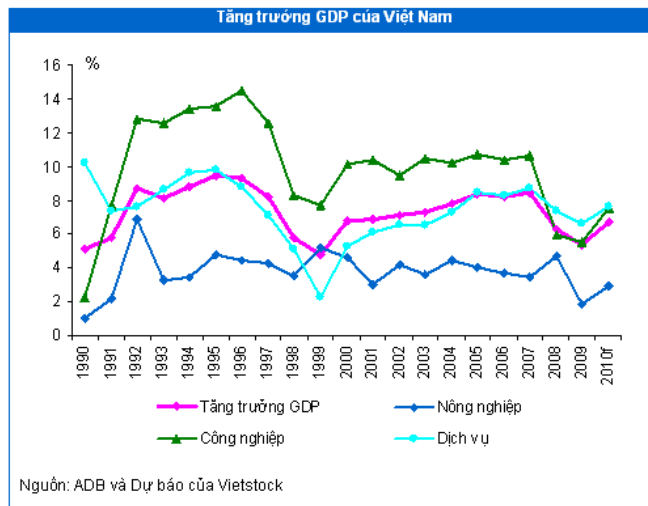
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Kính thưa Quý vị Cổ đông,

**1. Khái quát tình hình**

Mặc dù thế giới chưa thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, song những tín hiệu lạc quan vào đầu năm 2010 cho phép chúng ta, tại Đại hội Cổ đông thường niên lần thứ 5 đã cùng xác định mục tiêu tăng trưởng của năm 2010 là 20% so với năm 2009.

Tuy nhiên, đến giữa năm, các dấu hiệu của phục hồi ngày càng ít đi. Kinh tế thế giới tiếp tục bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng nợ xấu của các nước châu Âu như Hy Lạp, Ai Len và những bất ổn về chính trị tại nhiều khu vực. Như một tất yếu, vì là thành phần không tách rời của thế giới, kinh tế Việt Nam bắt đầu bộc lộ những bất ổn. Bất ổn về vĩ mô đã ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp.



Nếu nhận định của các chuyên gia kinh tế đưa ra từ đầu năm lạc quan bao nhiêu thì bắt đầu từ giữa năm 2010, những tín hiệu xấu cho nền kinh tế Việt Nam và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó có Vinacafé Biên Hòa, càng rõ nét bấy nhiêu. Mặc dù năm 2010, Việt Nam vẫn đạt tăng

trưởng GDP khoảng 6,78%, cao hơn nhiều mức tăng 5,32% của năm 2009 và vượt kế hoạch đề ra ở mức 6,5%., nhưng nền kinh tế vẫn cho thấy nhiều dấu hiệu bất ổn: Lạm phát hơn 2 con số. Nguyên nhân do cộng hưởng các yếu tố như thiên tai, giá cả hàng hóa thế giới tăng, tiền đồng bị mất giá và cung tiền tăng mạnh. Đến 31. 12. 2010, tiền đồng bị mất giá gần 12% so với tháng 11/2009. Nguyên nhân chủ yếu là lòng tin vào đồng nội tệ suy giảm dẫn đến việc trốn chạy sang trú ẩn ở vàng và đồng đô la Mỹ.

Mức tăng trưởng GDP 6,78% đến từ các lĩnh vực: nông nghiệp tăng ở mức khá, công nghiệp: gần 14%, dịch vụ: 58%, thương mại: 24,5%. Trong bối cảnh đó, Vinacafé Biên Hòa đã có một kết quả kinh doanh khá ấn tượng với doanh thu thuần tăng 28% vượt 6% so với kế hoạch.

Kết quả đó cho phép nhận định rằng: ***năm 2010 vừa qua là một năm vượt bão thành công của Vinacafé Biên Hòa.***

## 2. Kết quả sản xuất kinh doanh 2010

CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	DIỄN BIẾN QUA CÁC NĂM		
		2008	2009	2010
<b>1. Sản xuất</b>				
Cà phê các loại	tấn	12.777	13.448	16.786
Ngũ cốc DD	tấn	3.234	3.596	4.457
<b>2. Tiêu thụ</b>				
Cà phê các loại	tấn	12.439	13.741	16.310
Ngũ cốc DD	tấn	3.241	3.546	4.509
<b>3. Tổng tài sản</b>	1.000đ	390.709.349	491.952.542	729.227.252
<b>4. Vốn điều lệ</b>	1.000đ	141.757.100	141.757.100	265.791.000
<b>5. Kết quả kinh doanh và lãi - lỗ</b>				
Doanh thu thuần	1.000đ	863.037.539	1.020.693.745	1.301.664.303
Lãi trước thuế	1.000đ	113.725.091	147.032.687	178.260.220
Thuế TNDN	1.000đ	8.531.914	11.027.452	16.698.886
Lãi ròng	1.000đ	105.193.178	136.005.235	161.561.334
<b>6. Cổ phần phổ thông</b>				
Số lượng	CP	14.175.710	14.175.710	26.579.135
Giá thị trường/ CP	đồng	65.000	90.000	50.000
Giá sổ sách/ CP	đồng	23.060	31.170	21.790
Thu nhập/ CP	đồng	7.421	5.117	6.079
Cổ tức/ CP	đồng	6.300	1.350	1.500
<b>7. Tỷ suất sinh lợi</b>				
Trên doanh thu	%	12,19	13,32	12,41
Trên tổng tài sản	%	26,92	27,65	22,16
Trên vốn cổ phần	%	82,45	95,94	60,79

Các chỉ tiêu chủ yếu phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh cho thấy, Vinacafé Biên Hòa vẫn duy trì tốt tốc độ tăng trưởng bình quân từ 20 đến 30%/ năm trong nhiều năm trước đây. Riêng năm 2010, khối lượng sản xuất và tiêu thụ cà phê các loại tăng lần lượt là 24,8% và 18,7 % so với 2009; khối lượng sản xuất và tiêu thụ nhóm ngũ cốc dinh dưỡng tăng lần lượt là 23,94% và 27,16%. So với năm 2009, Vốn điều lệ của công ty tăng 87% (cao hơn mức tăng 77% của 5 năm trước đó), Tổng tài sản của công ty tăng 48%, Lãi sau thuế đạt gần 162 tỷ đồng, so với kế hoạch đề ra 136 tỷ đồng đã vượt 19%.

### **3. Hoạt động đầu tư mở rộng sản xuất trong 2010**

Thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ lần thứ V vào tháng 5/2010, công ty đã đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án xây dựng mới Nhà máy cà phê hòa tan 3.200 tấn năm tại Long Thành, Đồng Nai.

Ngày 15/12/ 2010, sau khi hoàn tất các thủ tục cần thiết, công ty đã chính thức khởi công xây dựng nhà máy mới. Đến nay, các phần việc chính của dự án đã được thực hiện xong là:

- Ký hợp đồng mua sắm dây chuyền sản xuất 3.200 tấn CPHT/ năm với Niro GEA và đã chuyển 696.000 EUR để thực hiện hợp đồng. Phía NIRO đang tiến hành thiết kế tiền chế tạo để chuyển cho Vinacafé BH làm cơ sở thiết kế thi công nhà xưởng.
- Ký hợp đồng với CIDECO về tư vấn giám sát thi công.
- Ký hợp đồng san lấp mặt bằng, xây dựng cổng, tường rào nhà bảo vệ và nhà kho nguyên liệu với Công ty CP Tập đoàn đầu tư xây dựng Đông Đô, BQP. Hiện công việc này đang được thực hiện.

Hiện nay, BQL Dự án cũng đã có văn bản trình về việc nâng tổng mức đầu tư lên 10% do có thay đổi về tỷ giá và giá vật tư xây dựng.

### **4. Hoạt động quản trị công ty 2010**

Trong 5 năm đầu hoạt động, tính từ năm 2005, Công ty CP Vinacafé Biên Hòa đã có 3 lần tăng vốn thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu phổ thông, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, vốn điều lệ của công ty đã tăng từ 80 tỷ đồng lên 141,76 tỷ đồng. Trong năm 2010, Công ty đã có 2 lần tăng vốn thông qua phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 25% và phát hành thêm cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 50%. Tính đến cuối năm tài khóa 2010, vốn điều lệ của công ty là 265,79 tỷ đồng, tăng 232% so với vốn điều lệ tại thời điểm thành lập.

Cùng với việc tăng vốn điều lệ, trong năm 2010, công ty cũng đã tiến hành lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để chỉnh sửa, bổ sung Điều Lệ Công ty để đáp ứng các quy định của luật pháp đối với một công ty đại chúng có cổ phiếu niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán. Ngày 28/01/2011, cổ phiếu của Vinacafé Biên Hòa với mã VCF đã chính thức được giao dịch tại sàn Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (Hose). Với mức giá khởi điểm 50.000đ/CP, vốn hóa thị trường của Vinacafé Biên Hòa đạt gần 1.300 tỷ đồng vào thời điểm đầu năm 2011.

Trong năm 2010, Hội đồng Quản trị đã nhóm họp khá đều đặn để giải quyết các vấn đề quản trị công ty theo đúng quy định tại Điều lệ và đáp ứng kịp thời những yêu cầu cho hoạt động chung của công ty nhằm thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2010.

## **5. Định hướng hoạt động 2011**

Năm 2011 sẽ là một năm khó khăn của kinh tế thế giới. Các nền kinh tế lớn phục hồi chậm chạp. Châu Âu chưa ra khỏi khủng hoảng nợ xấu. Nhật, nền kinh tế lớn thứ ba thế giới đang phải gánh chịu hậu quả hết sức nặng nề về thiên tai và khủng hoảng hạt nhân. Bất ổn về chính trị và nguy cơ chiến tranh ở nhiều khu vực. Việt Nam, đương nhiên sẽ chịu tác động xấu từ các yếu tố đó.

Như vậy, năm 2011 sẽ là năm mà Vinacafé Biên Hòa phải vượt nhiều khó khăn hơn so với năm 2010. Năm 2011 là năm mà chính phủ đặt mục tiêu số 1 là ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát. Những dấu hiệu bất ổn của kinh tế vĩ mô mà chúng ta đã thấy trong quý 1/2011 như lạm phát, tiền đồng mất giá, ngoại hối căng thẳng, đặc biệt, cà phê nhân, nguyên liệu chính đang ở đỉnh cao của chu kỳ giá. Nếu như cuối tháng 12/2010, giá cà phê Robusta loại xô ở mức 36.000đ/kg, giá 2011 đang hướng đến mức 50.000đ/kg.

Cạnh tranh sẽ quyết liệt hơn. Giá nguyên liệu đầu vào sẽ là khó khăn rất lớn vì Vinacafé luôn đặt yêu cầu về chất lượng sản phẩm ở vị trí số 1. Giá bán Vinacafé tăng 25% so với 2010 trong khi người dân cắt giảm chi tiêu sẽ là một thách thức lớn cho Vinacafé Biên Hòa trong công tác tiêu thụ sản phẩm.

Năm 2011, công ty sẽ vừa phải vượt qua nhiều khó khăn nêu trên, vừa chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện mục tiêu dài hạn là trở thành 1 trong 10 công ty hoạt động trong ngành công nghiệp thực phẩm có giá trị vốn hóa lớn nhất Việt Nam vào năm 2015. Mục tiêu ngắn hạn trong năm 2011 là:

- Tăng 19% về khối lượng hàng hóa tiêu thụ.
- Tăng 48% về doanh thu (đạt 1.927 tỷ đồng)
- Lợi nhuận sau thuế: 139 tỷ đồng.

Trong năm 2011, Vinacafé BH sẽ tập trung vào các hoạt động chính như sau:

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng để nhà máy sản xuất cà phê hòa tan 3.200 tấn/năm tại Long Thành, Đồng Nai - dự kiến được đưa vào khai thác đúng tiến độ.
- Trang bị thêm hệ thống kho bãi để chủ động kế hoạch sản xuất và kinh doanh trên cơ sở sử dụng tối đa công suất của kho hiện tại và kho nhà máy mới.
- Đầu tư mạnh mẽ cho việc làm tươi mới thương hiệu, thiết kế sản phẩm mới cho thị trường xuất khẩu và nội địa.
- Nâng cấp hệ thống phân phối.
- Tuyển dụng thêm và đào tạo nhân lực và chuẩn bị các nguồn lực khác đáp ứng yêu cầu cho chiến lược phát triển đến 2014.

Ngày 21 tháng 03 năm 2011

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**ĐỖ VĂN NAM**

---

**BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN**

*V/v: công việc đã thực hiện dự án Nhà máy sản xuất cà phê hòa tan công suất 500kg/giờ tại Long Thành Đồng Nai*

**Kính gửi : Đại Hội Đồng Cổ Đông Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa,  
Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa**

Ban quản lý dự án Nhà máy sản xuất cà phê hòa tan công suất 500 kg/giờ của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa kính trình Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị về những nội dung công việc đã thực hiện từ đầu năm 2010 đến nay trong khuôn khổ thực hiện dự án Nhà máy sản xuất cà phê hòa tan công suất 500kg/giờ như sau:

1. Kế hoạch đấu thầu và bản tổng tiến độ thực hiện dự án:

- Ngày 22 tháng 03 năm 2010 Ban quản lý dự án trình Hội đồng quản trị Công Ty Cổ Phần Vinacafé Biên Hòa.
- Ngày 02 tháng 04 năm 2010 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu và bản tổng tiến độ thực hiện dự án.

2. Gói thầu TV1: Thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán chi tiết và tổng dự toán các hạng mục và thiết bị chế tạo.

- Vào tháng 6 năm 2010 Ban quản lý dự án đã lập và trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Vào tháng 7 năm 2010 Hội đồng quản trị phê duyệt kết quả nhà thầu trúng thầu Gói thầu TV1: Thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán chi tiết và tổng dự toán các hạng mục và thiết bị chế tạo là Công ty Cổ phần thiết kế công nghiệp hóa chất.

3. Vào tháng 8 năm 2010 Ban quản lý dự án lựa chọn Nhà thầu tư vấn lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu các gói thầu xây dựng và thiết bị.

4. Vào tháng 11 năm 2010 Ban quản lý dự án đã làm đơn xin cấp giấy phép xây dựng và đã được Ban quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp giấy phép xây dựng.

5. Vào tháng 12 năm 2010 do tình hình thực tế Ban quản lý dự án trình Hội đồng quản trị phê duyệt thay đổi bố trí mặt bằng, diện tích nhà kho nguyên liệu tăng lên, và tách riêng nhà văn phòng không chung với kho đường sữa cho phù hợp với tình hình thực tế. Đã được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Vào tháng 12 năm 2010 Ban quản lý dự án đã làm đơn xin điều chỉnh cấp giấy phép xây dựng và đã được Ban quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai đã cấp giấy phép xây dựng điều chỉnh.

7. Gói thầu NN1: Mua sắm dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan công suất 500kg/giờ (kể cả chi phí hướng dẫn vận hành và chuyển giao công nghệ):

- Vào tháng 11 năm 2010 Ban quản lý dự án đã lập và trình Hội đồng quản trị phê duyệt
- Vào tháng 12 năm 2010 Hội đồng quản trị phê duyệt kết quả nhà thầu trúng thầu Gói thầu NN1: Mua sắm dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan

công suất 500kg/giờ (kể cả chi phí hướng dẫn vận hành và chuyển giao công nghệ) là Công ty GEA Process Engineering A/S – GEA Niro.

- Vào ngày 24/01/2011 Ban quản lý dự án đã ký hợp đồng với Công ty GEA Process Engineering A/S – GEA Niro.
- Vào ngày 05 tháng 4 năm 2011 với Công ty GEA Process Engineering A/S – GEA Niro cung cấp hồ sơ kỹ thuật cho Ban quản lý dự án để thiết kế phần thi công xây dựng.

8. Gói thầu XL1: San lấp mặt bằng, xây dựng cống, tường rào, nhà bảo vệ, kho nguyên liệu cà phê hạt:

- Vào tháng 2 năm 2011 Ban quản lý dự án đã lập và trình Hội đồng quản trị phê duyệt
- Vào tháng 2 năm 2011 Hội đồng quản trị phê duyệt kết quả nhà thầu trúng thầu Gói thầu XL1: San lấp mặt bằng, xây dựng cống, tường rào, nhà bảo vệ, kho nguyên liệu cà phê hạt là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Phát triển Đông đô-BQP.
- Vào ngày 14 tháng 3 năm 2011 Ban quản lý dự án đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Phát triển Đông đô-BQP (hiện nay công ty trên đang triển khai thi công xây dựng gói thầu XL1).

9. Gói thầu TV3: Tư vấn giám sát thi công xây dựng:

- Vào tháng 3 năm 2011 Ban quản lý dự án đã lập và lựa chọn nhà thầu là Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng (CIDECO).

Về tài chính Ban quản lý dự án đã chi cho các công ty sau:

- Công ty Cổ phần Thiết kế Hóa chất 693 triệu đồng.
- Công ty TNHH Kiến trúc Phú Mỹ 174 triệu đồng.
- Công ty GEA Process Engineering A/S – GEA Niro 696.000 EUR.

Trên đây là bản báo cáo của Ban quản lý dự án những công việc đã thực hiện của dự án Nhà máy sản xuất cà phê hòa tan công suất 500 kg/giờ tại Khu Công nghiệp Long Thành tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa.

Bước sang năm 2011 Nhà nước đã điều chỉnh tỷ giá tăng 9,3% và nhiên liệu, điện, nhân công do đó vật liệu cơ bản như sắt, thép, xi măng,... tăng cao. Để tạo điều kiện cho dự án thực hiện đúng tiến độ Ban quản lý dự án kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tổng mức đầu tư dự kiến là: 617.397.340.384 đồng tăng gần 10% so với tổng mức đầu tư cũ (563.162.198.605 đồng), đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt chi tiết các hạng mục cụ thể của dự án cho phù hợp với tình hình thực tế giá cả hiện nay.

*Biên Hòa, ngày 21 tháng 03 năm 2011*  
**PHÓ TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN**  
**đã ký**

**LÊ QUANG CHÍNH**



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NĂM 2010  
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2011**

Kính thưa Đại hội đồng Cổ đông,

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát quy định tại điều lệ Công ty, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán KPMG và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2010 ngày 5 tháng 5 năm 2010.

Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2010 như sau:

**PHẦN 1. BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIÁM SÁT 2010**

**1.1 Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông ngày 5-5-2010 bổ nhiệm trong nhiệm kỳ 5 năm. Trong năm qua đã có những hoạt động sau:

- Tham gia một số cuộc họp của Hội đồng quản trị,
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty,
- Xem xét báo cáo tài chính các quý và năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính,
- Xem xét tình hình thực hiện các dự án đầu tư,
- Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.



## **1.2 Hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành:**

- HĐQT gồm có 07 thành viên do Đại hội đồng cổ đông ngày 5-5-2010 bổ nhiệm trong nhiệm kỳ 5 năm. HĐQT đã bổ nhiệm phó Chủ tịch HĐQT, Tổng GĐ và các phó TGD.
- Trong năm qua HĐQT đã có nhiều cuộc họp quan trọng nhằm triển khai việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, sửa đổi điều lệ của Công ty, xúc tiến nhanh tiến độ thực hiện dự án, vạch ra kế hoạch doanh số và lợi nhuận của Công ty.
- HĐQT và Ban Điều hành đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong công tác quản lý hành chính cũng như trong các giao dịch. Các thành viên HĐQT, Ban Điều hành và các Cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Các cuộc họp của HĐQT được triệu tập và tổ chức đúng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty,
- Các biên bản họp, Nghị quyết của HĐQT đều có đầy đủ chữ ký của các Thành viên dự họp,
- Các Nghị quyết của HĐQT, quyết định của Ban Điều hành đều tập trung vào việc triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành.
- Trong năm qua, Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Các thành viên Ban điều hành và đội ngũ Cán bộ quản lý của Công ty đã thể hiện tốt nhiệm vụ và năng lực trong công tác quản lý, sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, các chế độ chính sách với người lao động.

Dựa trên kết quả kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo kết quả hoạt động SXKD của TGD. Ban Kiểm soát trân

trọng những cố gắng và nỗ lực của HĐQT, Ban Điều hành và các Cán bộ quản lý đã duy trì tốt mục tiêu tăng trưởng và phát triển của Công ty.

### 1.3 Hoạt động của Ban quản lý dự án:

Ban quản lý dự án được điều hành trực tiếp bởi Tổng Giám đốc đang được khẩn trương thực hiện theo tiến độ đã vạch ra, do Ban quản lý dự án báo cáo chi tiết.

### 1.4 Kết quả thẩm định báo cáo Tài chính và kết quả SXKD năm 2010:

- Trong báo cáo tài chính năm 2010 đã phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính tại thời điểm kết thúc năm tài chính cũng như kết quả kinh doanh, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.
- Trong năm qua, hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành Công ty đã tập trung vào định hướng phát triển theo nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông các năm thông qua đó là SXKD hai mặt hàng chính là cà phê các loại và bột ngũ cốc dinh dưỡng, xúc tiến dự án xây dựng Nhà máy Cà phê hòa tan tại Long Thành.
- Về kết quả hoạt động SXKD năm 2010, Công ty tăng trưởng về sản lượng, doanh thu cũng như lợi nhuận được thể hiện ở các chỉ tiêu sau:

#### a. Tình hình sản xuất tiêu thụ năm 2010:

ĐVT: Tấn

Chỉ tiêu	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	So sánh với KH 2010(%)	So sánh với TH 2009(%)
<b>Khối lượng sản xuất</b>					
Cà phê các loại	13.448	15.650	16.786	107,26	124,82
Bột NCDD	3.596	4.500	4.457	99,04	123,94
<b>Khối lượng tiêu thụ</b>					
Cà phê các loại	13.741	15.650	16.310	104,22	118,70
Bột NCDD	3.546	4.500	4.509	100,20	127,16

**b. Một số chỉ tiêu SXKD khái quát năm 2010:**

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	So sánh với KH 2010 (%)	So sánh với TH 2009 (%)
Doanh thu thuần	1.020.693	1.227.097	1.301.664	106,08	127,53
Tổng chi phí	873.660	1.080.097	1.123.404	104,01	128,59
Lợi nhuận trước thuế	147.033	147.000	178.260	121,27	121,24
Lợi nhuận sau thuế	136.005	135.975	161.561	118,82	118,79
Tổng tài sản	491.953		729.227		148,23
Vốn điều lệ	141.757		265.791		187,50
Vốn chủ sở hữu	447.351		579.163		129,47

**1.5 Mối quan hệ của HĐQT, Ban điều hành, Cổ đông và Người lao động:**

- Trong năm qua, HĐQT và BĐH luôn lấy nghị quyết Đại hội đồng cổ đông làm kim chỉ nam trong việc hoạch định các chính sách cho các hoạt động SXKD và đầu tư phát triển, do đó đã giúp Công ty hoàn thành kế hoạch SXKD và đạt chỉ tiêu tăng trưởng năm sau luôn cao hơn năm trước.
- Quyền lợi của Người lao động được chăm lo đầy đủ đúng chế độ qui định như chế độ thi đua khen thưởng, tham quan du lịch v.v..., các Tổ chức chính trị - xã hội luôn được thực hiện và quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để duy trì hoạt động.

**Kết luận về hoạt động giám sát 2010**

- Trong quá trình thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát, HĐQT và BĐH luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ. Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng theo luật pháp và điều lệ quy định, không làm ảnh hưởng đến hoạt động của HĐQT và BĐH.
- Với trách nhiệm và quyền hạn mà Điều lệ Công ty và pháp luật đã quy định, Ban kiểm soát đã kiểm soát hoạt động SXKD, công tác quản trị và điều hành của Công ty một cách độc lập với HĐQT và BĐH. Ban kiểm soát xin báo cáo để Đại hội đồng cổ đông xem xét.

**PHẦN 2. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT 2011**

Căn cứ:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông,
- Các quy định của Luật Doanh nghiệp,
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát Công ty sẽ thực hiện nhiệm vụ thay mặt Cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hàng quý các công việc chính Ban kiểm soát phải thực hiện như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với HĐQT và BĐH,
- Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty,
- Thẩm định báo cáo tài chính và kết quả SXKD hàng quý, năm,
- Xem xét tính hợp lệ về việc ban hành các Nghị quyết của HĐQT dựa trên biên bản họp HĐQT,
- Xem xét tính hợp pháp, kịp thời các quyết định của Ban Tổng Giám đốc,
- Xem xét tính hợp pháp các hợp đồng kinh tế quan trọng của Công ty,
- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành đầy đủ và nghiêm túc quy định của pháp luật, Sở giao dịch chứng khoán về công bố thông tin,
- Xem xét việc triển khai các dự án đầu tư.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**

Đã ký

**NGUYỄN NGỌC TUẤN**

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2010 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2011

#### 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ VIỆT NAM 2010

Theo lộ trình gia nhập WTO, kinh tế Việt Nam trong năm 2010 có độ mở lớn hơn, chịu ảnh hưởng của kinh tế thế giới mạnh mẽ hơn. Dù bối cảnh thế giới có nhiều bất lợi, song các chuyên gia đều thống nhất với nhận định: Năm 2010 là năm bứt phá thành công trong khó khăn của kinh tế Việt Nam.

**Tăng trưởng kinh tế:** Ước tính GDP cả năm 2010 tăng 6,7%. Công nghiệp tiếp tục là đầu tàu của tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2010 ước tăng 14% so với năm 2009. Con số 14% này sẽ là một mốc để Vinacafé Biên Hòa đánh giá hoạt động của mình. GDP bình quân đầu người năm 2010 ước đạt 1.160 USD. Đây là mức thu nhập mà trước đây các chuyên gia kinh tế nhận định là ngưỡng bùng nổ tiêu dùng. Tuy nhiên, tiêu dùng chưa thực sự bùng nổ, bởi mức 1.160 USD/ người chỉ là GDP danh nghĩa. Thu nhập của người dân thực tế đã bị “khấu trừ” bởi lạm phát và thiên tai dịch họa diễn ra tại Việt Nam trong năm 2010.

**Đầu tư:** Ước tính tổng đầu tư toàn xã hội năm 2010 đạt 800 nghìn tỷ đồng, tăng 12,9% so với năm 2009. Đây là một cơ sở để chúng ta xem xét việc đầu tư trong năm của mình.

**Lạm phát và giá cả:** Năm 2010 lạm phát có những diễn biến phức tạp. Từ đầu năm đến cuối tháng 8 chỉ số giá tiêu dùng diễn biến theo chiều hướng ổn định ở mức tương đối thấp. Tuy nhiên, lạm phát đã thực sự trở thành mối lo ngại từ tháng 9. Đến hết tháng 11, chỉ số giá tiêu dùng đã tăng tới 9,58%. Chưa có số liệu chính thức, nhưng lạm phát 2010 là 2 con số.

**Tỷ giá:** Diễn biến tỷ giá trong năm 2010 cũng khá phức tạp. Tỷ giá chính thức có thời điểm thấp hơn tỷ giá trên thị trường tự do tới 10% làm cho thị trường ngoại hối trở nên méo mó.

**Xuất nhập khẩu:** Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2010 ước đạt khoảng 70,8 tỷ USD, tăng 24,9% so với năm 2009, do sự đóng góp lớn của những mặt hàng công nghiệp chế biến và vẫn phụ thuộc nhiều vào các mặt hàng mang tính chất gia công. Tổng kim ngạch nhập khẩu năm 2010 ước đạt 82,6 tỷ USD, tăng 19,8% so với năm 2009. Nguyên nhân chính là do gia tăng nhập khẩu nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất (chiếm khoảng 80% cơ cấu nhập khẩu).

(số liệu tham khảo từ: [http://www.ktpt.edu.vn/website/249\\_tong-quan-kinh-te-viet-nam-nam-2010-va-khuyen-nghi-cho-nam-2011.aspx](http://www.ktpt.edu.vn/website/249_tong-quan-kinh-te-viet-nam-nam-2010-va-khuyen-nghi-cho-nam-2011.aspx) Và <http://www.na.gov.vn/htx/vietnamese/default.asp?Newid=45177#6lnV6zcCN1Tz>)

## 2. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA VINACAFÉ BH

Những thuận lợi và khó khăn về môi trường hoạt động của Vinacafé Biên Hòa trong 2010 là đan xen lẫn nhau. Trong khó khăn lại có những cơ hội tốt. Ngược lại, những thế mạnh trước đây lại trở thành bất lợi trong 2010.

**Ngành cà phê Việt Nam:** khởi sắc trong năm 2010. Giá cà phê xô đang ở chu kỳ cao. Nhưng là một đơn vị chế biến, Vinacafé BH lại chịu áp lực tăng giá đầu vào, trong khi giá bán sản phẩm đầu ra không theo kịp tốc độ tăng giá. Việc duy trì **chất lượng sản phẩm**, vốn là thế mạnh của Vinacafé BH trước đây trở thành một áp lực rất lớn khi nguyên liệu tăng giá và công ty khó sử dụng nguyên liệu thay thế.

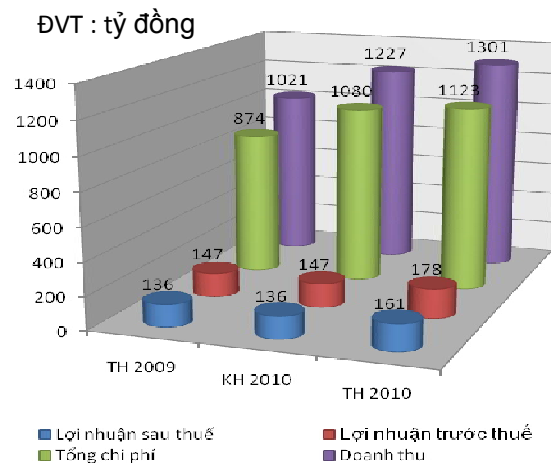
**Tỷ giá tăng và khủng hoảng nông nghiệp thế giới** do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, bất ổn chính trị khiến nguyên liệu chính tăng giá, làm cho giá thành sản phẩm tăng cao, lợi nhuận biên giảm, công ty ít có điều kiện đầu tư cho thương hiệu. Trong năm 2010, công ty đã có 3 đợt điều chỉnh tăng giá bán sản phẩm. Chính sách tăng thu nhập cho hệ thống phân phối qua mỗi đợt tăng giá đã tạo nên một lực đẩy mạnh mẽ trên thị trường. Tuy nhiên, mặt trái của nó là lực kéo đối với người tiêu dùng cuối cùng giảm sút. **Khủng hoảng kinh tế thế giới** đã khiến xuất khẩu khó khăn. **Uy tín của thương hiệu Vinacafé và mạng lưới phân phối gắn kết lâu năm** là các yếu tố quan trọng tạo thành công cho công ty trong năm 2010.

### 3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2010

#### 3.1 Đánh giá việc thực hiện kế hoạch

CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2009	NĂM 2010		SO SÁNH THỰC HIỆN 2010 VỚI	
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	KH 2010	TH 2009
<b>SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT CHỦ YẾU</b>						
-Cà phê các loại	tấn	13.448	15.650	16.786	107%	125%
-Ngũ cốc dinh dưỡng	tấn	3.596	4.500	4.457	99%	124%
<b>SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ CHỦ YẾU</b>						
-Cà phê các loại	tấn	13.741	15.650	16.310	104%	119%
<i>Trong đó xuất khẩu</i>	tấn	1.277	1.250	1.301	104%	102%
-Ngũ cốc dinh dưỡng	tấn	3.546	4.500	4.509	100%	127%
<b>LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP</b>						
Tổng số lao động	người	450	480	550	115%	122%
Tổng quỹ lương	Tr đ	41.500	52.462	55.245	105%	133%
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>						
Tổng doanh thu tiêu thụ	Tr đ	1.020.693	1.227.097	1.301.664	106%	127,5%
<i>Trong đó Doanh thu XK</i>	Tr đ	77.704	71.760	86.498	121%	111%
Tổng chi phí SP tiêu thụ	Tr đ	873.660	1.080.097	1.123.404	104%	129%
Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	147.033	147.000	178.260	121%	121%
Lợi nhuận sau thuế	Tr đ	136.005	135.975	161.561	119%	119%
Tổng tài sản	Tr đ	491.953		729.227		148%
Vốn điều lệ	Tr đ	141.757		265.791		187%
Tỷ lệ trả cổ tức	%	13,5	13,5	15,0	111%	111%
<b>CÁC KHOẢN NỢ NSNN</b>	Tr đ	82.152	85.000	108.647	128%	132%

**Doanh thu** tiêu thụ sản phẩm năm 2010 đạt 1.301 tỷ đồng, tăng 6% so với kế hoạch và tăng 27,5% so với 2009. **Tổng chi phí** sản phẩm tiêu thụ năm 2010 là 1.123 tỷ đồng, tăng 4% so với kế hoạch và tăng 29% so với 2009. **Lợi nhuận** sau thuế 2010 đạt 161 tỷ đồng, tăng 19% so với kế hoạch và thực hiện 2009.





So với năm 2009, doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2010 tăng 27,5%, chủ yếu do khối lượng hàng bán tăng trong đó khối lượng cà phê các loại bán tăng 18,7% và khối lượng hàng bán bột ngũ cốc tăng 27,16%. Tuy doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng khá cao song lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ chỉ tăng 8,5% do giá vốn hàng bán tăng mạnh: 33,7%. Để đảm bảo lợi nhuận cho các cổ đông, công ty đã phải tiết giảm chi phí hoạt động (chi tăng 7,9%), mà chủ yếu là tiết giảm chi phí bán hàng. Chi phí bán hàng 2010 giảm 0,2% so với 2009.

Thu nhập tài chính tăng 103,4% so với 2009 do cả khối lượng tiền gửi và lãi suất tiền gửi ngân hàng đều tăng, cộng với chi phí tài chính giảm 8,8% đã làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 164,1 tỷ đồng, tăng 20,1% so với năm 2009.

ĐVT : đồng

Khoản Mục	Năm 2009	Năm 2010	Tăng/giảm	%
<b>Tổng thu nhập</b>	<b>1.044.911.502.414</b>	<b>1.343.694.547.825</b>	<b>298.783.045.411</b>	<b>128,59%</b>
-Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.020.693.745.048	1.301.664.302.702	280.970.557.654	27,53%
-Thu nhập tài chính	13.677.839.649	27.822.976.015	14.145.136.366	103,42%
-Thu nhập khác	10.539.917.717	14.207.269.108	3.667.351.391	34,79%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>897.878.815.654</b>	<b>1.290.317.407.120</b>	<b>276.717.044.558</b>	<b>30,82%</b>
-Giá vốn hàng bán	769.264.519.884	1.028.845.343.605	259.580.823.721	33,74%
-Chi phí tài chính	12.743.456.458	11.618.394.063	(1.125.062.395)	-8,83%
-Chi phí hoạt động	115.721.546.908	124.883.079.759	9.161.532.851	7,92%
-Chi phí bán hàng	96.106.710.605	95.916.642.096	(190.068.509)	-0,20%
-Chi phí quản lý	19.614.836.303	28.966.437.663	9.351.601.360	47,68%
-Chi phí khác	149.292.404	87.509.934	(61.782.470)	-41,38%
<b>Lợi nhuận</b>				
-LN gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	251.429.255.164	272.818.959.097	21.389.703.933	8,51%
-LN thuần từ HĐKD	136.642.061.547	164.140.461.290	27.498.399.743	20,12%
-LN từ thu nhập khác	10.390.625.313	14.119.759.174	3.729.133.861	35,89%
-LN trước thuế	147.032.686.860	178.260.220.464	31.227.533.604	21,24%
-Thuế TNDN	11.027.451.515	16.698.886.015	5.671.434.500	51,43%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>136.005.235.345</b>	<b>161.561.334.449</b>	<b>25.556.099.104</b>	<b>118,79%</b>
-Số lượng cổ phiếu thường	14.175.710	26.579.135	12.403.425	87,50%
-Giá thị trường/CP	90.000	50.000	(40.000)	-44,44%
-Giá sổ sách/CP	31.170	21.790	(9.380)	-30,09%
-Lãi cơ bản/CP	5.117	6.079	962	18,80%
-Cổ tức/CP	1.350	1.500	150	11,1%

Lợi nhuận từ thu nhập khác cũng tăng 35,9% làm cho Lợi nhuận trước thuế đạt 178,26 tỷ đồng, tăng 21,2% so với năm 2009. Tuy nhiên thuế TNDN tăng 51,43% khiến lợi nhuận thuần chỉ tăng 19% so với năm 2009 do Nhà nước điều chỉnh thuế thu nhập khác nên Công ty không được hưởng thuế ưu đãi về thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng là 25% làm cho thu nhập sau thuế đạt 161,56 tỷ đồng.

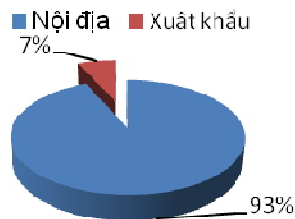
### 3.3 Cơ cấu doanh thu bán hàng theo thị trường

ĐVT: tỷ đồng

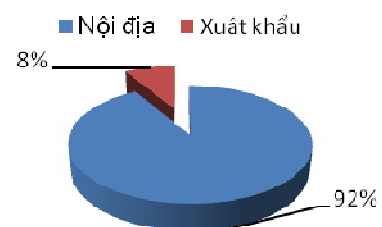
Chỉ tiêu	2009		2010		Tăng	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Tổng doanh thu	1.020,6	100	1.301,6	100	281	27,5
Nội địa	942,9	92,4	1.215,1	93,4	280,4	28,9
Xuất khẩu	77,7	7,6	86,5	6,6	8,8	11,3

Năm 2010, doanh thu nội địa và xuất khẩu đều tăng so với 2009, tương ứng là 28,9% VÀ 11,3%. Tuy giá trị xuất khẩu có tăng nhưng thực chất, khối lượng hàng xuất khẩu chỉ tăng nhẹ so với 2009, mức tăng 11,3% đến từ thay đổi tỷ giá hối đoái và giá bán sản phẩm là chủ yếu.

**Cơ cấu doanh thu 2010**



**Cơ cấu doanh thu 2009**



Nguyên nhân sụt giảm xuất khẩu là do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới đã tác động đến mức cầu tại các thị trường mà Vinacafé BH xuất khẩu đến. Điều này dẫn đến tỷ trọng doanh thu nội địa tiếp tục tăng cao hơn (từ 92,4% lên 93,4%) đồng thời tỷ trọng giá trị doanh thu xuất khẩu giảm từ 7,6% xuống còn 6,6% tổng doanh thu bán hàng của công ty.

### 3.4 Cơ cấu doanh thu bán hàng theo sản phẩm

Nhìn chung cơ cấu doanh thu theo sản phẩm trong năm 2010 không có đột biến so với năm 2009. Ngoại trừ cà phê hòa tan và các sản phẩm khác giảm so với 2009 vì trong năm 2010, công ty tập trung nguyên liệu cho các sản phẩm chủ lực là cà phê 3 trong 1 và ngũ cốc dinh dưỡng.

ĐVT: ngàn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		Tăng trưởng
	Doanh thu	Tỷ lệ	Doanh thu	Tỷ lệ	
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.020.694</b>	<b>100,0%</b>	<b>1.301.664</b>	<b>100,0%</b>	<b>27,5%</b>
<b>Cơ cấu doanh thu theo mặt hàng</b>					
1.Cà phê hòa tan	14.733	1,4%	13.595	1,0%	-7,7%
2.Cà phê sữa	801.492	78,5%	1.021.799	78,5%	27,5%
3.Cà phê rang-xay	6.208	0,6%	8.443	0,6%	36,0%
4.Ngũ cốc	195.498	19,2%	256.505	19,7%	31,2%
5.Các SP khác	2.762	0,3%	1.322	0,1%	-52,1%

Tỷ trọng doanh thu từ ngũ cốc dinh dưỡng đóng góp trong toàn bộ doanh thu của công ty năm 2010 năm tăng so với năm 2009 do nhóm sản phẩm này có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn về khối lượng tiêu thụ.

### 3.5 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ số	ĐVT	2008	2009	2010
<b>Tỷ số thanh toán</b>				
Tỷ số thanh toán hiện hành	lần	8,91	12,89	5,37
Tỷ số thanh toán nhanh	lần	5,14	9,81	3,81
<b>Tỷ số hoạt động</b>				
Vòng quay các khoản phải thu	lần	9,66	10,84	11,64
Kỳ thu tiền bình quân	ngày	37,79	33,66	31,37
Vòng quay hàng tồn kho	lần	6,06	9,66	6,62
Hiệu suất sử dụng TSCĐ	lần	15,99	20,38	24,82
Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản	lần	2,21	2,07	1,78
Hiệu suất sử dụng vốn cổ phần	lần	6,09	7,20	4,90
<b>Tỷ số đòn bẩy tài chính</b>				
Tỷ số nợ trên tài sản	%	12,45	10,18	20,58
Tỷ số nợ trên vốn cổ phần	%	34,33	35,34	56,46
Tỷ số tổng Tài sản trên vốn cổ phần	%	275,62	347,04	274,36
Khả năng thanh toán lãi vay	lần	2.553	1.154	1.534
<b>Tỷ số sinh lợi</b>				
Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu	%	12,19	13,32	12,41
Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản	%	26,92	27,65	22,16
Tỷ suất sinh lợi trên vốn cổ phần	%	82,45	95,94	60,79
<b>Tỷ số giá trị thị trường</b>				
Thu nhập mỗi cổ phần	đồng	8.245	5.117	6.079
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	0,10	0,02	0,03
Tỷ số giá thị trường trên thu nhập	%	7,88	17,59	8,23
Tỷ suất cổ tức	%	9,69	1,50	3,00

### 3.6 Phân tích các yếu tố chi phí

ĐVT: ngàn đồng

CÁC YẾU TỐ CHI PHÍ	THỰC HIỆN NĂM 2009		THỰC HIỆN NĂM 2010		TĂNG GIẢM	
	T.TIỀN	Tỷ lệ %	T.TIỀN	Tỷ lệ %	T.TIỀN	Tỷ lệ %
<b>NGUYÊN VẬT LIỆU</b>	<b>701.724</b>	<b>80,4</b>	<b>985.250</b>	<b>83,7</b>	<b>283.526</b>	<b>40,4</b>
Nguyên liệu chính	528.442	60,6	752.426	63,9	223.984	42,4
Vật liệu phụ và bao bì	155.763	17,9	209.753	17,8	53.991	34,7
Nhiên liệu	13.749	1,6	18.774	1,6	5.025	36,5
Năng lượng	3.771	0,4	4.297	0,4	526	14,0
<b>NHÂN CÔNG</b>	<b>46.538</b>	<b>5,3</b>	<b>58.147</b>	<b>4,9</b>	<b>11.609</b>	<b>25</b>
Tiền lương	44.381	5,1	55.245	4,7	10.864	24
BHXH, BHYT, thất nghiệp	2.157	0,2	2.902	0,2	745	35
<b>KHẤU HAO TSCĐ</b>	<b>8.114</b>	<b>0,9</b>	<b>8.229</b>	<b>0,7</b>	<b>115</b>	<b>1,42</b>
<b>KHÁC BẰNG TIỀN</b>	<b>115.941</b>	<b>13,3</b>	<b>125.660</b>	<b>10,7</b>	<b>9.719</b>	<b>8,38</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>872.317</b>	<b>100</b>	<b>1.177.286</b>	<b>100</b>	<b>304.969</b>	<b>34,96</b>

Tổng chi phí năm 2010 tăng xấp xỉ 35% do chi phí nguyên vật liệu tăng 40,4%, chi phí nhân công tăng 25%, khấu hao tài sản cố định tăng 1,42% và các chi phí khác bằng tiền tăng 8,38%. Trong các yếu tố thuộc nhóm nguyên vật liệu thì nguyên liệu chính và nhiên liệu tăng cao nhất, tương ứng là 42,4% và 36,5%.

Các yếu tố cấu thành tổng chi phí năm 2010, sắp xếp theo tỉ trọng từ cao nhất xuống thấp nhất như sau:

- Nguyên vật liệu: 83,7% (năm 2009 là 80,4%)
- Chi phí khác bằng tiền: 10,7% (năm 2009 là 13,3%)
- Chi phí nhân công: 4,9% (năm 2009 là 5,3%)
- Chi phí khấu hao TSCĐ: 0,7% (năm 2009 là 0,9%)

#### 4 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2010

Mặc dù môi trường kinh doanh năm 2010 diễn biến khá phức tạp, tuy nhiên công ty vẫn đạt mức tăng trưởng khá tốt về doanh thu và lợi nhuận. Mức tăng hai chỉ tiêu này đều cao hơn mức tăng của năm 2009 so với 2008.

Do nguồn vốn tích lũy cho đầu tư xây dựng nhà máy cà phê hòa tan tại Long Thành, Đồng Nai chưa thực hiện chi đầu tư cho dự án trong năm 2010; từ đó,

tạo nguồn thu nhập tài chính trong năm tăng và chi phí tài chính giảm đã góp phần mang lại lợi nhuận cho công ty.

Năm 2010, công ty đã có 2 lần tăng vốn bằng phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và cổ phiếu thưởng, nâng vốn điều lệ tăng 87%. Việc tăng vốn đã làm tỷ suất sinh lợi không còn cao bằng năm 2009 nhưng vẫn ở mức khá so với các công ty trong ngành.

Trong năm 2010, do biến động giá các yếu tố nguyên nhiên vật liệu đầu vào lớn, công ty giữ nguyên giá bán đến tháng 11/2010 nên giá bán trung bình năm 2010 tăng 5% so với giá bán trung bình năm 2009. Tuy nhiên, tại thời điểm tháng 3.2011 mức giá bán các sản phẩm của công ty đã tăng bình quân 25% so với đầu năm 2010. Đây là một khó khăn rất lớn cho công tác tiêu thụ sản phẩm năm 2011.

Cũng vì biến động giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, trong năm 2010 công ty ít có điều kiện tài chính cho các hoạt động củng cố, ***nâng cấp hệ thống phân phối và đầu tư cho thương hiệu.*** Đây là ***hai phần việc quan trọng cần tập trung đầu tư tốt hơn trong 2011.***

## **5 KẾ HOẠCH KINH DOANH 2011**

### **5.1 Những dự báo cho năm 2011**

Tạp chí Global Finance của Mỹ thậm chí đã đưa ra 12 kịch bản tồi tệ của kinh tế thế giới từ trước khi có thảm họa thiên tai và hạt nhân tại Nhật Bản, trong đó đáng lo ngại nhất là một cuộc khủng hoảng tài chính mới do tác động của nợ xấu trên toàn thế giới và khủng hoảng năng lượng do tác động của chiến tranh.

Về ngắn hạn, năm 2011, các nền kinh tế lớn của thế giới sẽ tiếp tục phục hồi chậm chạp, ngoại trừ Nhật Bản sẽ sa sút sau thảm họa động đất, sóng thần và rò rỉ hạt nhân.

Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2011 phụ thuộc vào ba yếu tố chính: tình hình kinh tế thế giới (nêu trên), sự ổn định kinh tế vĩ mô trong nước dưới sự điều hành của Chính phủ. Bên cạnh những thời cơ, thuận lợi là nhiều thách thức cho cả ba yếu tố trên.

Xuất khẩu của Việt Nam dù được hỗ trợ về tỷ giá nhưng sẽ gặp khó khăn bởi nhu cầu nhập khẩu và các rào cản thương mại. Khi kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi thì giá cả thị trường thế giới sẽ tăng, sẽ ảnh hưởng đến Việt Nam. Dự

báo, kinh tế Việt Nam chỉ có khả năng tăng tốc sớm nhất là vào quý 4.2011. Các doanh nghiệp sẽ phải đối diện với 4 khó khăn chính là:

- Thứ nhất, những bất ổn vĩ mô và những yếu kém trong nội tại nền kinh tế sẽ trở thành thách thức rất lớn. Lạm phát năm 2011 sẽ tiếp tục ở mức cao. Tháng 5/2011, lương mới được áp dụng sẽ tạo ra tâm lý và lý do để thị trường tăng giá hàng hóa tiêu dùng.
- Thứ hai, tiền đồng sẽ tiếp tục giảm giá vì lạm phát của Việt Nam luôn ở mức cao hơn so với thế giới và NHNN không thể dùng dự trữ ngoại hối ít ỏi để can thiệp mạnh theo nhu cầu vì cần ngoại tệ theo yêu cầu của doanh nghiệp. Hơn nữa, Việt Nam vốn vẫn là quốc gia nhập siêu. Điều này sẽ vẫn tạo căng thẳng cho thị trường ngoại hối.
- Thứ ba, bội chi ngân sách cũng là áp lực cần giải quyết. Và thuế sẽ là áp lực lớn đối với các doanh nghiệp.
- Thứ tư, cơ sở hạ tầng, trình độ nguồn nhân lực và cải cách hành chính vẫn ảnh hưởng trực tiếp đến lòng tin của các nhà đầu tư trong và ngoài nước và là yếu tố cản trở tăng trưởng kinh tế.

Bên cạnh những khó khăn, thách thức trên, chúng ta cũng có nhiều thuận lợi như: Vinacafé là một thương hiệu mạnh, nổi tiếng, có uy tín trên thị trường; chúng ta đã xây dựng được hệ thống phân phối trên khắp cả nước; chúng ta là một tập thể lao động giàu kinh nghiệm và nhiệt huyết với Công ty. Đó là những cơ hội để chúng ta vượt qua mọi khó khăn.

Đầu năm 2011, nhất hàng loạt các tín hiệu xấu về kinh tế trong nước và thế giới như lạm phát, tỷ giá, lãi suất, giá cả nguyên nhiên vật liệu...đến dồn dập và trầm trọng hơn, buộc công ty phải tiếp tục tăng giá bán, Tại thời điểm tháng 1.2011, giá bán sản phẩm chủ yếu của công ty đã tăng khoảng 20% so với 2010. Sau Tết Nguyên đán, thị trường đang xảy ra tình trạng bão hòa về hàng hóa, nhất là hàng tiêu dùng do người dân thắt chặt chi tiêu, trong khi đầu vào vẫn không ngừng tăng giá.

Mục tiêu chính của Việt Nam trong 2011 là kiềm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Trong bối cảnh đó và dự báo sẽ còn nhiều biến động phức tạp về giá cả, nhu cầu và sức mua của người tiêu dùng. Kế hoạch SXKD năm 2011 của Vinacafé Biên Hòa sẽ tập trung vào các nội dung chính như sau:

## **5.2 Mục tiêu của năm 2011**

- Doanh thu: vượt ngưỡng 1.927 tỷ đồng
- Lợi nhuận: 139 tỷ đồng.

## **KẾ HOẠCH KINH DOANH 2011**

CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2010	KẾ HOẠCH NĂM 2011	SO SÁNH KH 2011 với TH 2010
<b>I-KHỐI LƯỢNG SẢN XUẤT CHỦ YẾU</b>				
Cà phê các loại	tấn	16.786	19.475	116%
Bột NCDD	tấn	4.457	5.350	120%
<b>II-KHỐI LƯỢNG TIÊU THỤ CHỦ YẾU</b>				
Cà phê các loại	tấn	16.310	19.475	119%
<i>Trong đó Cà phê XK</i>	<i>tấn</i>	<i>1.301</i>	<i>1.500</i>	<i>120%</i>
Bột NCDD	tấn	4.509	5.350	119%
<i>Trong đó Bột ngũ cốc XK</i>	<i>tấn</i>	<i>14</i>	<i>15</i>	<i>107%</i>
<b>III-LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP</b>				
Tổng số lao động	người	550	610	111%
Tổng quỹ lương	trđ	55.245	69.004	125%
<b>IV-ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN</b>				
<b>1. Đầu tư mở rộng sản xuất</b>	<b>trđ</b>	<b>10.279</b>	<b>18.835</b>	<b>183%</b>
- Mua sắm máy móc thiết bị	trđ	9.072	16.235	179%
- Xây dựng mở rộng nhà xưởng	trđ	1.207	2.600	215%
<b>2. Đầu tư dự án mới</b>	<b>trđ</b>	<b>313</b>	<b>194.400</b>	<b>62.109 %</b>
- Mua sắm máy móc thiết bị	trđ		174.400	
- Xây dựng cổng tường rào, nhà kho	trđ	313	20.000	6.390%
<b>V-KẾT QUẢ KINH DOANH</b>				
Tổng doanh thu tiêu thụ	trđ	1.301.664	1.927.437	148%
<i>Trong đó : Doanh thu XK</i>	<i>trđ</i>	<i>86.498</i>	<i>127.242</i>	<i>147%</i>
Tổng chi phí SP tiêu thụ	trđ	1.123.404	1.773.506	158%
LN trước thuế	trđ	178.260	153.931	86%
LN sau thuế	trđ	161.561	139.148	86%
Tổng tài sản	trđ	729.227	842.507	113%
Vốn NN tại DN	trđ	265.791	265.791	100%
Tỷ lệ trả cổ tức	%	15%	15%	100%
<b>VI-CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NSNN</b>	<b>trđ</b>	<b>108.648</b>	<b>110.000</b>	<b>101%</b>

Căn cứ vào tốc độ tăng trưởng bình quân của thị trường cà phê và qua dự báo bán hàng của các vùng miền trong nước, thị trường xuất khẩu cũng như năng lực sản xuất hiện có, Công ty dự kiến sản lượng sản xuất và tiêu thụ trong năm tăng cà phê các loại và bột ngũ cốc dinh dưỡng lần lượt là 19,4% và 18,6%.

**Về doanh thu:** dự kiến tăng trưởng so với thực hiện 2010 là 48% trong đó tăng do (1) sản lượng tiêu thụ tăng là 19% , (2) do giá bán của từng loại sản



phẩm tăng so với năm 2010 như sau: Cà phê hòa tan tăng 20%, Cà phê 3 in 1 tăng 27%, Cà phê rang xay tăng 29%, Ngũ cốc dinh dưỡng tăng 13%.

**Các chỉ tiêu chính** của kế hoạch kinh doanh 2011 đều tăng so với 2010, ngoại trừ chỉ tiêu lợi nhuận.

**Về lợi nhuận:** Lợi nhuận sau thuế giảm 15% so với 2010 do chi phí sản phẩm tiêu thụ tăng 57,3 % do các loại vật tư chủ yếu tăng như sau : Giá nguyên liệu cà phê tăng 80%, Giá bao bì tăng 10%, Giá bột sữa tăng 20%, Giá nhiên liệu tăng 20%, Giá điện tăng 12.5%, Tỷ giá ngoại tệ tăng 9,3%. Cùng với sự thay đổi về sản lượng, dự toán về chi phí năm 2011 chi tiết như sau:

ĐVT: triệu đồng

CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ	NĂM 2010		NĂM 2011		SO SÁNH 2011-2010	
	THỰC HIỆN	TỶ TRỌNG %	KẾ HOẠCH	TỶ TRỌNG %	MỨC TĂNG	% TĂNG
<b>NGUYÊN - VẬT LIỆU</b>	<b>985.250</b>	<b>83,8</b>	<b>1.562.327</b>	<b>84,4</b>	<b>577.077</b>	<b>58,6</b>
Nguyên liệu chính	752.426	64,0	1.215.271	65,7	462.845	61,5
Vật liệu phụ và bao bì	209.753	17,8	315.254	17,0	105.501	50,3
Nhiên liệu	18.774	1,6	25.333	1,4	6.559	34,9
Năng lượng	4.297	0,4	6.469	0,3	2.172	50,5
<b>NHÂN CÔNG</b>	<b>57.042</b>	<b>4,8</b>	<b>71.582</b>	<b>3,9</b>	<b>14.540</b>	<b>25,5</b>
Tiền lương	55.245	4,7	69.004	3,7	13.759	24,9
BHXH	1.797	0,2	2.578	0,1	781	43,4
<b>KHẤU HAO TSCĐ</b>	<b>8.229</b>	<b>0,7</b>	<b>9.345</b>	<b>0,5</b>	<b>1.116</b>	<b>13,6</b>
<b>BẰNG TIỀN KHÁC</b>	<b>125.660</b>	<b>10,7</b>	<b>207.315</b>	<b>11,2</b>	<b>81.655</b>	<b>65,0</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.176.181</b>	<b>100</b>	<b>1.850.569</b>	<b>100</b>	<b>674.388</b>	<b>57,3</b>

**Về đầu tư mở rộng sản xuất :** Công ty dự kiến nâng công suất chủ yếu là mua 3 máy bao gói, máy đầu trộn phục vụ cho nhu cầu sản xuất và các phụ trợ khác : 16,23 tỷ đồng và mở rộng phân xưởng bao gói là 2,6 tỷ đồng

**Về đầu tư dự án mới trong năm 2011:**

a. Mua dây chuyền sản xuất CPHT 3.200 tấn/năm, dự kiến tháng 12/2011 giao toàn bộ máy móc thiết bị với giá trị thanh toán :

- Dây chuyền sản xuất CPHT 3.200 tấn thanh toán 80% : 165.000 trđ
- Hệ thống máy rang thanh toán 10% : 4.000 trđ
- Lò hơi thanh toán 10% : 1.000 trđ
- Máy nén khí thanh toán 20% : 400 trđ
- Máy sàng phân loại cà phê hạt thanh toán 100% : 4.000 trđ

**Cộng : 174.000 trđ**

b. Xây dựng công tường rào và nhà kho nguyên liệu : 20.000 trđ

Để hoàn thành các chỉ tiêu SXKD nêu trên, năm 2011, Vinacafé Biên Hòa sẽ triển khai sản phẩm mới phù hợp hơn với thị trường miền Bắc và đầu tư nhiều hơn cho công tác bán hàng, marketing cho toàn thị trường nội địa và một số thị trường xuất khẩu chủ yếu và chuẩn bị cho kế hoạch phát triển đến 2014, công ty sẽ:

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà máy tại Long Thành, Đồng Nai
- Chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực: (1) nhân lực (tuyển dụng, đào tạo), (2) thị trường (thương hiệu, hệ thống phân phối, sản phẩm mới), (3) hậu cần bán hàng (kho bãi và logistic); (4) quản lý (thực hành và đạt chứng nhận ISO)

Biên Hòa, ngày 21 tháng 3 năm 2011  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Đã ký

**PHẠM QUANG VŨ**

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011**  
*( V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2010 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2011 )*

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA**

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa đã được thông qua và chỉnh sửa ngày 20/01/2010;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Báo Cáo quyết toán Tài Chính năm 2010 và báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán KPMG về việc Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty CP Vinacafé Biên Hòa, HĐQT Công ty kính trình phương án chia cổ tức năm 2010 và tạm trích các quỹ như sau:

**1. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2010**

ĐVT : đồng

Các Chỉ Tiêu	NĂM 2010	
	Tỷ lệ trích	Số Tiền
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>178.260.220.464</b>
<b>1 - Thuế TNDN</b>	25,0%	<b>44.565.055.116</b>
Trong đó Thuế TNDN phải nộp		16.698.886.015
Thuế TNDN được miễn giảm bổ sung vào quỹ ĐTPT		27.866.169.101
<b>2 - Lợi nhuận còn lại</b>	75,0%	<b>133.695.165.348</b>
<b>3 - Phân phối các quỹ</b>		<b>21.889.336.000</b>
a.Quỹ dự phòng tài chính	5,0%	8.078.066.000
b.Quỹ khen thưởng phúc lợi	3 tháng lương	13.811.270.000
<b>4 - Thù lao HĐQT &amp; BKS</b>		<b>5.577.650.000</b>
- Khen thưởng HĐQT		5.469.650.000
+Thưởng trong KH LN (135.975 tr )	1,2%	1.631.700.000
+Thưởng vượt KHLN (161.561 - 135.975 = 25.586 tr )	15,0%	3.837.950.000
-Thù lao HĐQT		64.000.000
-Thù lao BKS		44.000.000
<b>5 - Khen thưởng Ban điều hành</b> (Theo QĐ số 224/2006/QĐ ngày 06/10/2006)		<b>500.000.000</b>
<b>6 - Chia cổ tức</b>	13,0%	<b>34.552.931.100</b>
a.Trả cổ tức cho cổ đông đợt I	6,0%	10.631.709.600
b.Trả cổ tức cho cổ đông đợt II	9,0%	23.921.221.500
<b>7 - Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>		<b>71.175.248.248</b>

Hội đồng quản trị đề xuất ĐHĐCĐ thông qua việc trả cổ tức bằng tiền trong năm 2010 là 15% (đã chi trả tạm ứng 6% theo danh sách chốt sổ cổ đông thực hiện quyền ngày 31/7/2010) số còn lại 9% ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm thích hợp để chi trả cho cổ đông.

## **2. KẾ HOẠCH CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2011**

Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh năm 2011, Hội đồng Quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông chi cổ tức bằng tiền trong năm 2011 với tỷ lệ 15%, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định tỷ lệ tạm ứng cổ tức cho cổ đông trong năm 2011 dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình thực tế của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến và thông qua.

Biên Hòa ngày 10 tháng 04 năm 2011

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**ĐỖ VĂN NAM**

## **TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011**

(V/v: Thông qua báo cáo tài chính năm 2010 và  
lựa chọn kiểm toán năm tài chính 2011)

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HOÀ**

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa đã được thông qua và chỉnh sửa ngày 20/01/2011;

### **Nội dung thứ 1:**

Hội đồng Quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam (phụ lục đính kèm).

### **Nội dung thứ 2:**

Hội đồng Quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty Kiểm toán cho năm tài chính 2011 trong các Công ty kiểm toán sau đây:

- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán AASC
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)
- Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Công ty TNHH BDO Việt Nam
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Kính trình Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến và thông qua.

*Biên Hòa, ngày 10 tháng 04 năm 2011*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**ĐỖ VĂN NAM**



**Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Kinh doanh số** 4703000186 ngày 10 tháng 11 năm 2010

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Đỗ Văn Nam  
Phạm Quang Vũ  
Bùi Xuân Thoa  
Lê Quang Chính  
Lê Hùng Dũng  
Nguyễn Công Trung  
Thái Việt Nga  
Tô Hải  
Nguyễn Đăng Quang  
Bùi Xuân Thoa  
Phạm Quang Vũ

**Chủ tịch**

Phó Chủ tịch (từ ngày 7 tháng 5 năm 2010)  
Phó Chủ tịch (đến ngày 7 tháng 5 năm 2010)  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên (từ ngày 7 tháng 5 năm 2010)  
Thành viên (đến ngày 7 tháng 5 năm 2010)  
Thành viên (từ ngày 7 tháng 5 năm 2010)  
Thành viên (đến ngày 7 tháng 5 năm 2010)  
Thành viên (từ ngày 7 tháng 5 năm 2010)  
Thành viên (đến ngày 7 tháng 5 năm 2010)

**Ban Giám đốc**

Phạm Quang Vũ  
Bùi Xuân Thoa  
Lê Quang Chính  
Lê Hùng Dũng  
Phạm Quang Vũ

Tổng Giám đốc (từ ngày 7 tháng 5 năm 2010)  
Tổng Giám đốc (đến ngày 7 tháng 5 năm 2010)  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 28 tháng 5 năm 2010)  
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 7 tháng 5 năm 2010)

**Trụ sở đăng ký**

Khu Công nghiệp 1  
Thành phố Biên Hòa  
Tỉnh Đồng Nai  
Việt Nam

**Đơn vị kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam





**KPMG Limited**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các cổ đông**  
**Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa**

### **Phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 3 năm 2011. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

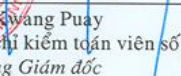
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH KPMG**  
Việt Nam  
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345  
Báo cáo kiểm toán số: 10-01-308



  
**Chong Kwang Puay**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2011

**Nguyễn Thanh Nghị**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

**Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa**  
**Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản ngắn hạn	100		676.789.392.720	441.877.412.250
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	361.737.630.582	235.091.325.946
Tiền	111		29.831.631.582	16.937.974.094
Các khoản tương đương tiền	112		331.905.999.000	218.153.351.852
Các khoản phải thu	130		111.856.660.312	94.129.184.903
Phải thu khách hàng	131		109.411.361.185	91.918.066.470
Trả trước cho người bán	132		1.675.053.938	1.842.719.385
Các khoản phải thu khác	135		770.245.189	368.399.048
Hàng tồn kho	140	4	196.734.374.602	105.614.266.351
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.460.727.224	7.042.635.050
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	505.662.781
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		972.837.485	84.085.073
Tài sản ngắn hạn khác	158		5.487.889.739	6.452.887.196
Tài sản dài hạn	200		52.437.859.656	50.075.130.105
Tài sản cố định	220		52.437.859.656	50.075.130.105
Tài sản cố định hữu hình	221	5	32.933.638.322	30.872.602.271
Nguyên giá	222		164.509.549.887	154.432.812.492
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(131.575.911.565)	(123.560.210.221)
Tài sản cố định vô hình	227	6	17.319.885.750	17.319.885.750
Nguyên giá	228		17.319.885.750	17.319.885.750
Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	230	7	2.184.335.584	1.882.642.084
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>729.227.252.376</b>	<b>491.952.542.355</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa**  
**Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>125.965.089.067</b>	<b>28.801.247.104</b>
Vay ngắn hạn	311	8	16.231.785.636	-
Phải trả người bán	312		78.485.299.526	8.516.038.731
Người mua trả tiền trước	313		1.884.574.666	29.864.105
Thuế phải nộp Nhà nước	314	9	15.817.616.514	13.065.620.797
Phải trả nhân viên	315		2.843.817.088	6.198.068.346
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	10	1.654.091.709	991.655.125
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	11	9.047.903.928	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>24.099.394.810</b>	<b>15.799.955.404</b>
Phải trả dài hạn khác	333	12	22.693.992.000	14.677.992.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	13	1.405.402.810	1.121.963.404
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>579.162.768.499</b>	<b>447.351.339.847</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>579.162.768.499</b>	<b>441.858.748.650</b>
Vốn cổ phần	411	14	265.791.350.000	141.757.100.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	14	29.974.241.968	68.094.331.990
Quỹ đầu tư và phát triển	417	15	109.589.907.931	99.263.157.709
Quỹ dự phòng tài chính	418	15	22.736.393.873	15.936.132.106
Lợi nhuận chưa phân phối	420		151.070.874.727	116.808.026.845
<b>Nguồn kinh phí sự nghiệp và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>5.492.591.197</b>
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		-	5.492.591.197
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>729.227.252.376</b>	<b>491.952.542.355</b>

Người lập:

Lê Hùng Dũng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Phạm Quang Vũ  
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

4



**Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	2010 VND	2009 VND
Tổng doanh thu	01	16	1.301.911.877.370	1.021.419.145.722
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	(247.574.668)	(725.400.674)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>1.301.664.302.702</b>	<b>1.020.693.745.048</b>
Giá vốn hàng bán	11		(1.028.845.343.605)	(769.264.519.884)
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>272.818.959.097</b>	<b>251.429.225.164</b>
Doanh thu tài chính	21	17	27.822.976.015	13.677.839.649
Chi phí tài chính	22	18	(11.618.394.063)	(12.743.456.458)
Chi phí bán hàng	24		(95.916.642.096)	(96.106.710.605)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(28.966.437.663)	(19.614.836.303)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>164.140.461.290</b>	<b>136.642.061.447</b>
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b>	<b>40</b>			
Thu nhập khác	31	0	14.207.269.108	10.539.917.717
Chi phí khác	32		(87.509.934)	(149.292.304)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>178.260.220.464</b>	<b>147.032.686.860</b>
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	20	(16.698.886.015)	(11.027.451.515)
<b>Lợi nhuận thuần</b>	<b>60</b>		<b>161.561.334.449</b>	<b>136.005.235.345</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	6.079	5.117

Người lập:



Lê Hùng Dũng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phạm Quang Vũ  
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng công vốn chủ sở hữu VND	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VND	Tổng VND
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009</b>	141.757.100.000	68.094.331.990	83.490.858.554	15.936.132.106	17.611.969.978	326.890.392.628	15.157.914.659	342.048.307.287
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	136.005.235.345	136.005.235.345	-	136.005.235.345
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(19.137.208.500)	(19.137.208.500)	-	(19.137.208.500)
Thả lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(1.350.000.000)	(1.350.000.000)	-	(1.350.000.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	15.772.299.155	-	(15.772.299.155)	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(918.000.000)	(918.000.000)	918.000.000	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	368.329.177	368.329.177	(10.583.323.462)	(10.583.323.462)
Khác	-	-	-	-	-	-	-	368.329.177
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010</b>	141.757.100.000	68.094.331.990	99.263.157.709	15.936.132.106	116.808.026.845	441.858.748.650	5.492.591.197	447.351.339.847
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	161.561.334.449	161.561.334.449	-	161.561.334.449
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 22)	35.438.060.000	-	-	-	(35.438.060.000)	-	-	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(2.605.000)	(2.605.000)	-	(2.605.000)
Cổ tức tạm ứng (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(10.631.709.600)	(10.631.709.600)	-	(10.631.709.600)
Phát hành cổ phiếu thưởng	88.596.190.000	(38.120.090.022)	-	-	(50.476.099.978)	(50.476.099.978)	-	-
Thả lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(2.528.000.000)	(2.528.000.000)	-	(2.528.000.000)
Phân loại lại vào nợ phải trả ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	(5.492.591.197)	(5.492.591.197)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(11.095.000.000)	(11.095.000.000)	-	(11.095.000.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	25.730.720.200	6.800.261.767	(32.530.981.967)	-	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	(15.403.969.978)	-	15.403.969.978	-	-	-
<b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>	265.791.350.000	29.974.241.968	109.589.907.931	22.736.393.873	151.028.874.727	579.162.768.499	-	579.162.768.499

Người lập:

Lê Hùng Dũng  
 Kế toán trưởng



Ngày 16 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		178.260.220.464	147.032.686.860
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		8.228.948.078	8.113.814.033
Các khoản dự phòng	03		283.439.406	44.106.613
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(26.535.725.234)	(12.030.315.813)
Chi phí lãi vay	06		2.018.055.461	1.674.639.724
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>162.254.938.175</b>	<b>144.834.931.417</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(17.145.567.583)	(2.948.958.862)
Biến động hàng tồn kho	10		(91.120.108.251)	36.760.782.089
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		77.700.461.745	757.295.821
			<b>131.689.724.086</b>	<b>179.404.050.465</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(2.018.055.461)	(1.674.639.724)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(14.499.195.361)	(10.711.210.954)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(10.067.687.269)	(11.504.994.285)
<b>Tiền thuần thu từ các hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>105.104.785.995</b>	<b>155.513.205.502</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(10.591.677.629)	(4.228.099.376)
Thu từ lãi tiền gửi	27		26.535.725.234	12.030.315.813
<b>Tiền thuần thu từ các hoạt động đầu tư</b>	30		<b>15.944.047.605</b>	<b>7.802.216.437</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

7

**Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		24.031.785.636	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.800.000.000)	(5.347.755.000)
Tiền trả cổ tức	36		(10.634.314.600)	(19.197.208.500)
<b>Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>5.597.471.036</b>	<b>(24.544.963.500)</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		126.646.304.636	138.770.458.439
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		235.091.325.946	96.320.867.507
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>3</b>	<b>361.737.630.582</b>	<b>235.091.325.946</b>

Người lập:



Lê Hùng Dũng  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Quang Vũ  
 Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

8